TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **166**/2018/QĐST-VHNGĐ	*Bình Thạnh, ngày 22 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 2567/2017/TLST-VHNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017, giữa:

Người yêu cầu: Ông D

Địa chỉ: đường C, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh

Người yêu cầu: Bà T

Địa chỉ liên hệ: đường T, Phường X, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 12 tháng 01 năm 2018;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 12 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Sự thỏa thuận này đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông D

Địa chỉ: đường C, Phường H, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh

Bà T

Địa chỉ: đường T, Phường X, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận kết hôn số 170, quyển số 01/2009, do Ủy ban nhân dân Phường 22, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/9/2009 cho ông D và bà T hết hiệu lực từ ngày ban hành quyết định này**.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông D và bà T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Trịnh Lam Anh sinh ngày 05/4/2013 và Nguyễn Trịnh Lam P sinh ngày 06/5/2015. Ông D cấp dưỡng

nuôi mỗi con là 15.000.000 đồng/ tháng/ 1 con, cấp dưỡng lần lượt cho đến khi con thành niên. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2018, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền. Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông D không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con nói trên, thì ông D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi các bên đã thoả thuận theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà T xác nhận ông bà tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, ông D và bà T phải nộp, nhưng được cấn trừ vào tiền lệ phí là 300.000 đồng mà ông D và bà T đã nộp theo biên lai thu số 0003611 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án quận Bình Thạnh. Ông D và bà T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm**.**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND P.22, Q.Bình Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Yến